

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH T2

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày 12/4/2024
(V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa
chị Nh và anh V)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T2

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Hiếu.
- Ông Phạm Mã Siêu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 tham gia phiên tòa:**

Ông Phạm Văn Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Nh, sinh năm 1987 (chị Nh vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn LTN, xã TN, huyện T1, tỉnh T2.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình V, sinh năm 1986 (anh V vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

Địa chỉ: Thôn LTN, xã TN, huyện T1, tỉnh T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình hòa giải, nguyên đơn là chị Phạm Thị Nh trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đình V, sinh năm 1986, có địa chỉ tại thôn LTN, xã TN, huyện T1, tỉnh T2 tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện T1, tỉnh T2 vào ngày 12/03/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay không ai còn

quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình V.

Về con chung, theo chị Nh, chị và anh Nguyễn Đình V có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 12/8/2011; con Nguyễn K O, sinh ngày 31/12/2015. Ly hôn chị đồng ý để anh V nuôi dưỡng hai con chung và chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo khả năng của chị. Về tài sản chung, nợ chung: Theo chị Nh, chị và anh Nguyễn Đình V không có tài sản chung, không vay nợ chung tài sản của ai. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi cho anh Nguyễn Đình V thông báo thụ lý, thông báo đến phiên công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh V không đến Tòa án.

Tại Biên bản Lấy lời khai ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 bà Tô Thị Ch, sinh năm 1962, trú tại thôn LTN, xã TN, huyện T1, tỉnh T2 (bà Ch là mẹ đẻ anh Nguyễn Đình V) trình bày:

Chị Phạm Thị Nh và anh Nguyễn Đình V tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện T1, tỉnh T2 vào ngày 12/03/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng tính tình không hợp nhau. Hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay chị Nh có đơn xin ly hôn anh V quan điểm của gia đình đồng ý với quan điểm của hai anh chị, đây là việc riêng của vợ chồng anh chị nên anh chị tự quyền quyết định. Chị Nh và anh V có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 12/8/2011; con Nguyễn K O, sinh ngày 31/12/2015. Gia đình bà có nguyện vọng để anh V nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con chung. Theo bà Châ quá trình chung sống chị Nh và anh V không có tài sản chung và nợ chung, quan điểm của gia đình là không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Gia đình bà Ch đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã báo cho anh V biết, tuy nhiên anh V bận nên không đến Tòa án để làm việc.

Tại biên bản xác minh ngày 28 tháng 2 năm 2024 tại Trụ sở UBND xã TN, huyện T1, ông Phạm Đức Ngh, Chủ tịch UBND xã TN và ông bà Tô Thị B, Cán bộ tư pháp xã cung cấp:

Chị Phạm Thị Nh và anh Nguyễn Đình V tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện T1, tỉnh T2 vào ngày 12/03/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm được. Nay chị Nh có đơn xin ly hôn anh V, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về quan hệ con chung, quá trình chung sống chị Nh và anh V có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 12/8/2011; con Nguyễn K O, sinh ngày 31/12/2015. Nếu anh, chị ly hôn, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi con chung theo quy định của

pháp luật. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung, quá trình chung sống chị Nh và anh V có tài sản chung, nợ chung hay không địa phương không nắm được.

Tại phiên công khai chứng cứ, hòa giải ngày 05/3/2024, chị Nh có mặt, anh V vắng mặt không có lý do. Ngày 26/3/2024, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án, chị Nh có mặt, anh V không đến phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa được mở lại vào ngày 12/4/2024.

Tại phiên tòa hôm nay, anh V vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị Nh có đơn xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh V.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Phạm Thị Nh được ly hôn anh Nguyễn Đình V. Về con chung, giao cho anh Nguyễn Đình V được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 12/8/2011; con Nguyễn K O, sinh ngày 31/12/2015, chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh V; chị Nh có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung, không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả giải quyết tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Phạm Thị Nh vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Nguyễn Đình V vắng mặt lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nh và anh V.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị Phạm Thị Nh và anh Nguyễn Đình V kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Nh cung cấp phù hợp với các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án nên xác định: Sau khi đăng ký kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa.

[2.2] Chị Nh có đơn xin ly hôn, Tòa án đã ra thông báo thụ lý, thông báo đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, anh V có biết nhưng không đến Tòa án. Tòa án đã tổ chức hòa giải anh V vắng mặt. Gia đình anh V có ý kiến đồng ý cho anh chị ly hôn. Tại các phiên tòa, anh V đều vắng mặt, anh cũng không đưa ra

được biện pháp để vợ chồng trở về đoàn tụ; chị Nh kiên quyết xin ly hôn, bản thân anh V và chị Nh đã sống ly thân từ năm 2022. Như vậy, có thể thấy tình cảm vợ chồng của chị Nh và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Phạm Thị Nh được ly hôn anh Nguyễn Đình V.

[3] Về con chung: Chị Nh và anh V có hai con chung Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 12/8/2011; con Nguyễn K O, sinh ngày 31/12/2015. Chị Nh đồng ý để anh V nuôi cả hai con chung, gia đình anh V cũng có nguyện vọng nuôi cả hai con. Gia đình anh V không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh V. Xét thấy, hai con chung đều có đơn đề nghị được ở cùng bố. Vì vậy, để tạo điều kiện cho sinh hoạt và việc học tập ổn định của con chung của chị Nh và anh V cũng như nguyện vọng của cháu Đạt và Oanh. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nh. Giao cho anh Nguyễn Đình V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 12/8/2011; con Nguyễn K O, sinh ngày 31/12/2015 là phù hợp với quy định tại điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh V; chị Nh có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Nh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Phạm Thị Nh được ly hôn anh Nguyễn Đình V.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Đình V được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 12/8/2011; con Nguyễn K O, sinh ngày 31/12/2015. Chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh V; chị Nh có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn là chị Phạm Thị Nhung phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Nh đã nộp theo Biên lai số 0002553 ngày 29/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh T2, chị Phạm Thị Nh đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- UBND xã TN;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền